

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/HS-ST
Ngày 16-01-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Vinh

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện LG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LG tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2022/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thị V**; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1968;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Số 4, đường TH, phường L2, thành phố H, tỉnh Hưng Yên;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 10/12; Họ và tên bố: Nguyễn Văn H3, sinh năm 1930 (đã chết); Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị V2, sinh năm 1931 (đã chết); Gia đình có 04 anh em, bản thân là thứ tư; Họ và tên chồng: Trần Văn M, sinh năm 1963 (đã chết); Bị cáo có 03 người con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1993.

Nhân thân: Ngày 02/7/2018, bị Ủy ban nhân dân thị trấn G, huyện N, tỉnh Hải Dương xử phạt 2.000.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”, cùng ngày V đã C7p

hành xong quyết định.

Tiền sự: Không có;

Tiền án:

+ Bản án số 07/2019/HSST ngày 25/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Lạng Sơn xử phạt 01 năm 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Bản án số 09/2019/HSST ngày 20/02/2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hải Dương xử phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Quyết định số 02/2019/QĐ-TA ngày 22/4/2019, của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Hải Dương, tổng hợp hình phạt của 02 bản án trên buộc Nguyễn Thị V phải C7p hành 02 năm 06 tháng tù. V C7p hành xong hình phạt tù ngày 24/01/2021.

+ Bản án số 16/2021/HSST ngày 05/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xử phạt Nguyễn Thị V 07 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 14/10/2021, bị cáo C7p hành xong hình phạt tù.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/10/2022 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn CM, xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Trần Văn K, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn CM, xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

- *Người làm chứng:* Anh Trần Văn C7t, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn CM, xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thị V, sinh năm 1968, trú tại: Số 4, đường Nguyễn Thiện Thuật, phường Lê Lợi, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên là đối tượng có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử nhiều lần về tội trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích. Khoảng 04 giờ ngày 25/10/2022 (tức ngày 01/9/2022 âm lịch) do không có tiền chi tiêu cá nhân nên V đi xe khách từ nhà đến Đền Cô Bé CM của gia đình ông Trần Văn D, sinh năm 1958 ở thôn CM, xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang (ông D làm chủ) để trộm cắp tiền lễ. Khoảng 06 giờ cùng ngày, khi V đến Đền Cô Bé CM thì ở đền đã có nhiều khách đến thắp hương và đặt lễ nên V đi vào khu vực sắp lễ, chuẩn bị một mâm lễ bê vào đặt lên ban thờ Cung Cô bên trong đền, lợi dụng lúc mọi người không để ý V lấy tiền ở các mâm lễ khác đặt ở ban thờ Cung Cô để vào mâm lễ của mình. Sau đó V quay ra chuẩn bị một mâm lễ khác bê vào đặt ở bàn thờ

Cung Mẫu, tại đây V tiếp tục lấy tiền ở các mâm lễ của người khác đặt trên ban thờ Cung Mẫu và tiền lễ đặt trên bàn Loan ở phía dưới ban thờ Cung Mẫu để vào mâm lễ của mình. Tiếp đó V bê mâm lễ này ra ban thờ Cung Cô để chồng lên một mâm lễ của người khác và bê cả hai mâm lễ ra bàn sắp lễ lấy tiền trên mâm để vào túi xách của mình đã chuẩn bị từ trước. Sau đó V quay vào ban thờ Cung Cô bê mâm lễ của mình đặt trước đó ra bàn sắp lễ rồi lấy tiền để vào túi xách của mình và đi vệ sinh. Khi V quay lại chuẩn bị rời đi, cùng lúc này con trai ông D là Trần Văn K, sinh năm 1989 kiểm tra camera phát hiện nên cùng khách đi lễ giữ V lại rồi báo cho Công an huyện LG và Công an xã HS đến làm việc.

Sau khi lực lượng công an đến làm việc thì V đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như trên và tự giao nộp đồ vật, tài sản tài sản gồm:

01 túi xách màu đen, viền màu nâu; 01 điện thoại Samsung và 06 tập tiền mỗi tập được buộc bằng dây chun nịt tổng cộng 7.177.000 đồng là tiền cá nhân của V; Số tiền 1.350.000 đồng là tiền V vừa lấy trộm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội Cáo trạng đã nêu.

Cáo trạng số 06/CT-VKS ngày 27/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LG đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị V về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Thị V từ **09** (chín) đến **12** (mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 25/10/2022. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo từ **5.000.000** (năm triệu) đồng đến **6.000.000** (sáu triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng, tiền án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá một cách khách quan, toàn diện, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Công an huyện LG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LG, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy quá trình điều tra đã có đầy đủ lời khai lưu tại hồ sơ vụ án, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử, chủ tọa phiên tòa công bố lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng trong quá trình điều tra tại phiên tòa.

[2] Về hành vi của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng phù hợp với tang vật thu giữ được về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 06 giờ sáng ngày 25/10/2022 tại đền Cô Bé CM ở thôn CM, xã HS, huyện LG, tỉnh Bắc Giang, Nguyễn Thị V có hành vi lén lút lấy trộm tiền tại ban thờ Cung Mẫu và ban thờ Cung Cô. Tổng số tiền V lấy trộm được là **1.350.000** đồng, là tài sản thuộc quyền sở hữu của gia đình ông Trần Văn D.

Hành vi của Nguyễn Thị V đủ yếu tố cấu thành của tội trộm cắp tài sản, khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Việc bị cáo bị truy tố, xét xử với tội danh và điều luật viện dẫn ở trên là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo lợi dụng nơi hành lễ đông người qua lại để trà trộn vào Đền và lợi dụng sơ hở của ban quản lý Đền để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Do đó cần phải xử lý về hình sự để giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử thấy:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã ra đầu thú, nên cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình thể hiện sự khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

Từ những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo nêu trên. HĐXX xét thấy bị cáo có nhân thân xấu, đã có tiền án về “Tội trộm cắp tài sản” mới ra trại chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian cần thiết để giáo dục chung và phòng ngừa riêng.

Về hình phạt bổ sung bằng tiền: Cần áp dụng khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự phạt bổ sung bằng tiền 5.000.000 đồng đối với bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Do bị cáo đang bị tạm giam nên HĐXX quyết định tạm giam bị cáo theo quy định tại Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự để đảm bảo thi hành án.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn D không yêu cầu Nguyễn Thị V phải bồi thường gì nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng: Đối với 01 túi xách màu đen, viền màu nâu, mặt trước có chữ “Shishanjgom.n” là vật chứng của vụ án bị cáo dùng vào việc phạm tội do vậy cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Đối với 01 chiếc điện thoại Samsung và 06 tập tiền buộc bằng dây chun nịt, tổng cộng 7.177.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, nay bị cáo có yêu cầu xin lại, do vậy cần trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án.

Đối với số tiền 1.350.000 đồng là tài sản thuộc sở hữu của ông Trần Văn D, ông D không có yêu cầu nhận lại số tiền trên do vậy cần tịch thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Thị V chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự; Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt **Nguyễn Thị V 10** (mười) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 25/10/2022.

Phạt bổ sung bằng tiền **5.000.000** (năm triệu) đồng sung quỹ Nhà nước.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 túi xách màu đen, viền màu nâu, mặt trước có chữ “Shishanjggom.n”

Trả lại bị cáo 01 chiếc điện thoại Samsung và số tiền **7.177.000** đồng (bảy triệu, một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) nhưng tạm giữ số tiền để đảm bảo thi hành án.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền **1.350.000** đồng (một triệu, ba trăm năm mươi nghìn đồng) của ông Trần Văn D.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1, khoản 3 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND, Chi cục THADS huyện LG;
- Công an huyện LG;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Đỗ Thị Quỳnh Hoa**